

Số 1221/QĐ - YDHP

Hải Phòng, ngày 30 tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Qui hoạch tổng thể về sử dụng và phát triển cơ sở vật của
Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

Căn cứ Quyết định số 06/1999/QĐ-TTg ngày 25/01/1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Y Hải Phòng; Quyết định số 2153/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Y Hải Phòng thành Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 1274/QĐ-BYT ngày 4/4/2007 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc thành lập Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012; Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 6/05/2015 của Chính phủ về Qui hoạch xây dựng;

Căn cứ hệ thống các qui chuẩn, tiêu chuẩn thiết kế trường đại học, bệnh viện đa khoa;

Căn cứ Quyết định số 58/2015/QĐ-TTg ngày 17/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức, chế độ quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị của cơ quan Nhà nước, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 147/1999/QĐ-TTg ngày 05/7/1999; Quyết định số 260/2006/QĐ-TTg, ngày 14/11/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung Quyết định số 147/1999/QĐ-TTg ngày 05/7/1999 của Thủ tướng Chính phủ quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng Trụ sở làm việc tại các cơ quan Nhà nước, đơn vị;

Căn cứ Quyết định 10/QĐ-BYT ngày 6/01/2016 của Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định 4176/QĐ-BYT ngày 02/8/2016 của Bộ Y tế về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển Trường Đại học Y Dược Hải Phòng giai đoạn đến năm 2025 định hướng đến năm 2030;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Phê duyệt Quy hoạch tổng thể về sử dụng và phát triển cơ sở vật của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng gồm:

- Quy hoạch sử dụng và phát triển diện tích sử dụng đất (kèm theo phụ lục I).
- Quy hoạch sử dụng và phát triển diện tích xây dựng (kèm theo phụ lục II).

Điều 2: Quy hoạch tổng thể về sử dụng và phát triển cơ sở vật của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng được phê duyệt là căn cứ để lập kế hoạch đầu tư xây dựng, sử dụng và phát triển cơ sở vật cho Trường Đại học Y Dược Hải Phòng theo các qui định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4: Các ông (bà) Trưởng phòng: Hành chính Tổng hợp, Tài chính kế toán, Quản trị, Ban QLDA và các đơn vị, cá nhân liên quan thuộc Trường Đại học Y Dược Hải Phòng căn cứ quyết định thi hành.

Nơi nhận:

- Như điều 4.
- Bộ Y tế để B/c
- Lưu HC-TH.



HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Phạm Văn Thức

PHỤ LỤC I
Qui hoạch sử dụng và phát triển diện tích sử dụng đất
của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

(Kèm theo Quyết định số 1221/2016/QĐ-YDHP ngày 30 tháng 12 năm 2016 của
 Trường Đại học Y Dược Hải Phòng)

Đơn vị: ha

Stt	Khu vực sử dụng đất	Hiện trạng	G.Đoạn 2017-2020	G.Đoạn 2021-2025	Đ. Hướng 2026-2030
*	Quy mô đào tạo theo qui hoạch phát triển (sinh viên)	5.800	7.000	7.500	8.000
1	Đất xây dựng khu học tập và các cơ sở nghiên cứu khoa học (bao gồm cả bệnh viện thực hành)	4,20	17,50	18,75	20,00
2	Đất xây dựng khu thể dục thể thao	0,61	1,50	2,00	2,50
3	Đất xây dựng Ký túc xá	0,20	1,20	2,40	3,60
4	Đất xây dựng khu công trình kỹ thuật, phụ trợ	0,20	2,10	2,25	2,40
Cộng (ha)		5,21	22,30	25,40	28,50

PHỤ LỤC II
Qui hoạch sử dụng và phát triển diện tích xây dựng
của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

(Kèm theo Quyết định số 1221/2016/QĐ-YDHP ngày 30 tháng 12 năm 2016 của
Trường Đại học Y Dược Hải Phòng)

Stt	Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m2)				Diện tích sàn xây dựng (m2)			
		Hiện trạng	Xây mới 2017-2020	Xây mới 2021-2025	Xây mới 2026-2030	Hiện trạng	Xây mới 2017-2020	Xây mới 2021-2025	Xây mới 2026-2030
A	KHU GIẢNG DẠY VÀ LÀM VIỆC SỐ 72A, NGUYỄN BÌNH KHIÊM, QUẬN NGÔ QUYỀN.	28.292	16.893	0	0	37.103	24.895	0	0
I	Diện tích xây dựng công trình	6.287	8.956	0	0	37.103	24.895	0	0
1	Nhà giảng dạy, làm việc 7 tầng (Nhà A)	2.346				10.657			
2	Nhà giảng dạy-Đào tạo, nghiên cứu khoa học 15 tầng (Nhà B)	1.429				20.480			
3	Nhà giảng dạy 5 tầng (Nhà C)	1.051				4.505			
4	Nhà tập đa năng		2.017				4.514		
5	Khu thể dục thể thao ngoài trời		4.530				4.530		
6	Ký túc xá sinh viên		1.985				15.427		
7	Nhà thường trực, bảo vệ (công chính 1)	41				41			
8	Nhà thường trực, bảo vệ (công phụ)	16				16			
9	Trạm biến áp	16				16			
10	Trạm bơm	54				54			
11	Bể nước	186	150			186	150		

TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
Y DƯỢC
HẢI PHÒNG

12	Gara ô tô	64				64			
13	Nhà kho hóa chất	36				36			
14	Nhà để xe	1.032				1.032			
15	Nhà lưu giữ súc vật	16				16			
16	Khu xử lý nước thải		274				274		
II	Diện tích cây xanh	5.490	4.172						
III	Diện tích sân đường giao thông	16.515	3.765						
B	KHU THỰC HÀNH TẠI SỐ 225C, LẠCH TRAY, QUẬN NGỘ QUYỀN.	6.930	5.945	985	0	9.219	13.032	14.775	0
I	Diện tích xây dựng công trình	3.003	1.780	985	0	9.219	13.032	14.775	0
1	Khu khám và điều trị (Nhà A5 tầng). Dự kiến phá dỡ năm 2021	315		985		1.584		14.775	
2	Khu khám và điều trị (Nhà B5 tầng). Dự kiến phá dỡ năm 2021	443				2.218			
3	Nhà Chẩn đoán hình ảnh 2 tầng. Dự kiến phá dỡ năm 2018	98	0			196			
4	Nhà giảng đường 1 tầng. Dự kiến phá dỡ năm 2018	275	0			275			
5	Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn. Dự kiến phá dỡ năm 2018	250	0			500			
6	Nhà giảng đường 2 tầng (BM phẫu thuật thực hành). Dự kiến phá dỡ năm 2018	270	0			540			

Y
ĐƠN
HỌ
TÊN
HỘI
*

7	Ký túc xá sinh viên 5 tầng. Dự kiến phá dỡ năm 2018	598	0			2.598			
8	Nhà ở sinh viên 2 tầng. Dự kiến phá dỡ năm 2018	180	0			360			
9	Nhà ở sinh viên 2 tầng. Dự kiến phá dỡ năm 2018	250	0			500			
10	Căng tin. Dự kiến phá dỡ năm 2018	124	0			248			
11	Bể nước cứu hỏa, sinh hoạt. Dự kiến phá dỡ năm 2018	100	0			100			
12	Khu vệ sinh của sinh viên. Dự kiến phá dỡ năm 2018	100	0			100			
13	Khu thực hành tiền lâm sàng. Làm mới năm 2018.	0	1.303				12.555		
14	Các công trình phụ trợ	0	477				477		
II	Diện tích cây xanh	1.027	1.100						
III	Diện tích sân đường giao thông	2.900	3.065						
C	CÁC GIẢNG ĐƯỜNG TẠI CÁC BỆNH VIỆN THỰC HÀNH	726	1.734	1.530	0	1.403	3.351	5.190	0
I	Diện tích xây dựng công trình	726	1.734	1.530	0	1.403	3.351	5.190	0
1	Nhà giảng đường tại Bệnh viện hữu nghị Việt - Tiệp. (Cải tạo nâng thêm 1 tầng)	376				703	331		
2	Nhà giảng đường tại bệnh viện đa khoa Kiến An. Cải tạo lại năm 2011	230				460			

3
C
3
IG

3	Nhà giảng đường 2 tầng tại bệnh viện Tâm Thần	120				240			
4	Nhà giảng đường 3 tầng tại bệnh viện Lao và bệnh Phổi		284				870		
5	Nhà giảng đường 1 tầng tại bệnh viện Trẻ em		350				1.050		
6	Nhà giảng đường tại bệnh viện Phụ sản		1.100				1.100		
7	Nhà giảng đường tại bệnh viện Y học cổ truyền			820				1.640	
8	Nhà giảng đường tại bệnh viện Đa khoa Hải Phòng.			710				3.550	
D	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG (CƠ SỞ 2)			25.475	11.050			78.275	63.350
1	Khối nhà Hành chính			2.100	2.100			9.000	9.000
2	Khối nhà giảng dạy			3.150	3.150			15.750	15.750
3	Bệnh viện thực hành			3.500	3.500			24.500	24.500
4	Khối công trình cung cấp dịch vụ			600	600			1.800	1.800
5	Khối các công trình thể dục thể thao			7.700				8.000	
6	Khối các công trình nhà ở sinh viên, giảng viên và chuyên gia			1.700	1.700			12.300	12.300
7	Các công trình phụ trợ			6.725				6.925	
	Tổng cộng	35.948	24.572	27.990	11.050	47.725	41.278	98.240	63.350

